

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2023
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Văn
- Ông Nguyễn Ngọc Thạch

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bình Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 654/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HN ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn G, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Bị đơn:** Anh Võ Minh G, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn G, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Chị T, anh G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị và anh Võ Minh G chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Dầu. Sau khi cưới, anh chị về chung sống tại nhà cha mẹ ruột của anh G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G ham mê cờ bạc gây nợ cho gia đình, trả nợ xong lại tiếp tục vay nợ, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị nhiều lần khuyên anh G bỏ cờ bạc để chăm lo

cho gia đình nhưng không được. Nay vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để tìm cách hàn gắn tình cảm. Trước đây, chị đã nộp đơn ly hôn nhưng do chị muốn cho chồng cơ hội sửa sai nên chị rút đơn nhưng anh G vẫn không thay đổi. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung là cháu Võ Nguyễn Kim C, sinh ngày 02-11-2014 và cháu Võ Nguyễn Phú Q, sinh ngày 21-9-2020. Hiện cả 02 cháu đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Võ Minh G trình bày: Anh G thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2022, trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để tìm cách hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung như chị T trình bày là đúng, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chị T được ly hôn với anh G; giao các cháu Võ Nguyễn Kim C, sinh ngày 02-11-2014 và cháu Võ Nguyễn Phú Q, sinh ngày 21-9-2020 cho chị T nuôi dưỡng, anh G không cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T và bị đơn anh Võ Minh G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Võ Minh G chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn do anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh G ham mê cờ bạc nhiều lần gây nợ cho gia đình. Chị T có khuyên anh G bỏ cờ bạc để chăm lo cho gia đình nhưng không được, anh chị ly thân từ đầu năm 2022. Anh G cũng thừa nhận vợ chồng hay xảy ra cãi nhau do có khó khăn về kinh tế, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc

sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng chị T và anh G vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung là cháu Võ Nguyễn Kim C, sinh ngày 02-11-2014 và cháu Võ Nguyễn Phú Q, sinh ngày 21-9-2020. Anh chị thống nhất giao 02 cháu cho chị T nuôi dưỡng, anh G không cấp dưỡng. Thỏa thuận của anh chị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T với anh Võ Minh G. Chị T được ly hôn với anh G.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Kim C, sinh ngày 02-11-2014 và cháu Võ Nguyễn Phú Q, sinh ngày 21-9-2020 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, Go dục. Anh G không cấp dưỡng nuôi con.

Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0024992 ngày 08-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn Gò Dầu (152/2014);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Văn